

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ G
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:32/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 26-4-2023

V/v tranh chấp

yêu cầu ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G – TỈNH B**

- Những người tiến hành tố tụng gồm có:

Thẩm phán: Ông Kiều Song Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cao Thị Mỹ Phượng và Nguyễn Thành Nhận

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mộng Đẹp – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:529/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022 về việc "tranh chấp yêu cầu ly hôn và nuôi con " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Hồng Y, sinh năm 1981;

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1978

Cùng địa chỉ: ấp Khúc Tréo B, xã Tân Phong, thị xã G, tỉnh B.

Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/12/2022 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Huỳnh Hồng Y trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh T chung sống với nhau vào năm 2000, hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên yêu cầu ly hôn;

Về con chung: Chị và anh T có với nhau 02 người con chung tên Nguyễn Duy Khang, sinh năm 2001 và Nguyễn Xuân N, sinh năm 2012, hiện nay người con Duy Khang đã trưởng thành và có cuộc sống riêng, đối với người con Nguyễn Xuân N hiện

sống với chị, khi ly hôn yêu cầu tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Không có

Về nợ chung: Không có

Ngoài ra chị không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của anh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G trình bày quan điểm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự: từ khi tham gia tố tụng đến nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Đối với anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do là vi phạm quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Hồng Y.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi nghe ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: chị Huỳnh Hồng Y yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T, hiện tại anh T cư trú tại ấp Khúc Tréo B, xã Tân Phong, thị xã G nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã G theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập anh Nguyễn Văn T đến Tòa án để tham gia phiên tòa giải quyết vụ án nhưng anh T vẫn vắng mặt; Chị Y có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Y và anh T theo quy định tại điểm a,b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến tòa để giải quyết vụ án nên anh T tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, anh T phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu xin ly hôn, lời trình bày của chị Y và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án làm chứng cứ để xem xét, giải quyết vụ án.

[3]. Về quan hệ vợ chồng: Theo giấy trích lục đăng ký kết hôn số 402/TLKH-BS, ngày 27/4/2018, của Ủy ban nhân dân xã Tân Phong, thị xã G, tỉnh B cấp thì có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Huỳnh Hồng Y và anh Nguyễn Văn T là hôn nhân

hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Y xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Y yêu cầu được ly hôn với anh T để mọi người tạo dựng cuộc sống riêng.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên của chị Y là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi lẽ theo lời trình bày của chị Y thì mâu thuẫn của vợ chồng phát sinh từ rất lâu, nguyên nhân không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh T không chăm sóc vợ con. Vợ chồng đã sống ly thân từ nhiều năm nay, điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Y và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hạnh phúc hôn nhân không đạt được.

Mặt khác anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên hòa giải và tham dự phiên tòa nhưng anh T vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện anh T không có thiện chí để Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y đối với anh T.

[4] Về con chung: Chị Y xác nhận chị và anh T chung sống với nhau có 02 người con chung Nguyễn Duy Khang, sinh năm 2001 và Nguyễn Xuân N, sinh năm 2012. Hiện người con lớn đã trưởng thành có cuộc sống riêng, đối với người con nhỏ sau khi ly hôn chị Y yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy chị Y và anh T không có tranh chấp về quyền nuôi con, chị Y xác định con chung hiện chung sống với chị, để tranh xáo trộn cuộc sống của con chung xét thấy cần thiết giao con chung cho chị Y tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn, do anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham dự phiên tòa giải quyết vụ án nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của anh T về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn. Mặt khác chị Y có yêu cầu không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị Y. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp về việc cấp dưỡng nuôi con thì được xem xét giải quyết thành vụ kiện khác.

[5] Về tài sản chung: Do chị Y khai nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến gì về tài sản chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp về tài sản thì được xem xét giải quyết thành vụ kiện khác.

[6] Về nợ chung: Do chị Y khai nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến gì về nợ

chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp về tài sản thì được xem xét giải quyết thành vụ kiện.

[7] Về án phí: Chị Huỳnh Hồng Y phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Hồng Y với anh Nguyễn Văn T.

Chị Huỳnh Hồng Y được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Giấy chứng nhận kết hôn số 232, ngày 01/10/2003 do Ủy ban nhân dân xã Tân Phong, huyện Giá Rai (nay là thị xã G), tỉnh B cấp không còn giá trị pháp lý.

2/ Về con chung: Giao người con chung là Nguyễn Xuân N, sinh ngày 24/12/2012 cho chị Huỳnh Hồng Y trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm con không ai được cản trở.

3/ Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Nguyễn Văn T cho đến khi chị Huỳnh Hồng Y có yêu cầu.

Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi quyền nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sau này.

4/ Về tài sản chung và nợ chung: Dành quyền khởi kiện cho chị Y và anh T bằng một vụ án khác nếu anh, chị có yêu cầu.

5/ Về án phí: Chị Huỳnh Hồng Y chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà chị Y đã dự nộp theo biên lai thu số 0004593, ngày 19/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G. Chị Y đã nộp đủ án phí.

6/ Quyền kháng cáo: Chị Huỳnh Hồng Y và anh Nguyễn Văn T có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND thị xã G;
- Chi cục THADS thị xã G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Kiều Song Toàn